TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢICHÂU
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số 78 /2017/HNGĐ-ST
Ngày 08 tháng 12 năm 2017
"*V/v ly hôn* "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU - THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thu Hà**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Huỳnh Thanh Trà**

2. Ông **Lê Truyền Bình**

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa*: Bà **Đặng Thị Ngọc Ngân** - Cán bộ Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Ly Na -** Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 210/2017/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 8 năm 2017 về việc "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 77/2017/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Ông **Phạm Văn C** - sinh năm 1968 (có mặt)

Địa chỉ: 92 đường K, phường T, quận C, thành phố Đà Nẵng.

2. *Bị đơn*: Bà **Lê Thiện Quế A** - sinh năm 1970 (vắng mặt)

Địa chỉ: 92 đường K, phường T, quận C, thành phố Đà Nẵng**.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện về việc xin ly hôn ngày 08 tháng 8 năm 2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn ông Phạm Văn C trình bày:*

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Văn C và bà Lê Thiện Quế A tự nguyện kết hôn vào năm 2008, có đăng ký kết hôn ở UBND phường T, quận i C, thành phố Đà Nẵng, giấy chứng nhận kết hôn số 82 quyển số 0I/2008. Sau khi kết hôn vợ chồng ông bà chung sống tại nhà số 92 đường K, quận C, thành phố Đà Nẵng.

Trong quá trình chung sống, ông bà đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân vì vợ chồng sống không hòa hợp, luôn bất đồng về quan điểm sống dẫn đến thường xuyên cãi vã. Mặc dù vợ chồng đã nhiều lần cố gắng để hàn gắn tình cảm nhưng vẫn không đạt được kết quả .Vợ chồng hiện đã sống ly thân, bà Quế A bỏ đi nơi khác, thỉnh thoảng có về nhà nhưng tình cảm vợ chồng vẫn ngày càng rạn nứt trầm trọng, vợ chồng không còn yêu thương, quý trọng, quan tâm chăm sóc lẫn nhau, phần ai nấy sống. Ông C xác nhận mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, và hiện ông không còn tình cảm với bà A, nên đề nghị Tòa án cho ông được ly hôn với bà A.

2. Về quan hệ nuôi con chung: Ông Phạm Văn C xác nhận vợ chồng ông không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. *Về quan hệ tài sản*: Ông Phạm Văn C xác nhận vợ chồng ông không có tài sản chung nên không yêu cầu giải Tòa án giải quyết. Đồng thời ông C xác nhận vợ chồng ông không có nợ chung.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập bà Lê Thiện Quế A tham gia tố tụng để giải quyết vụ án nhưng bà A vắng mặt không có lý do nên không ghi được lời khai, ý kiến của bà A.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào diễn biến tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

*** Về thủ tục tố tụng:** Bà Lê Thiện Quế A đã được Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng bà A vẫn vắng mặt không có lý do. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Lê Thiện Quế A.

*** Về nội dung:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Văn C và bà Lê Thiện Quế A tự nguyện kết hôn vào vào năm 2008, có đăng ký kết hôn ở UBND phường T, quận C, thành phố Đà Nẵng, giấy chứng nhận kết hôn số 82 quyển số 0I/2008. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Do đó, hôn nhân của ông bà là hợp pháp, được Nhà nước công nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu xin ly hôn của ông Phạm Văn C đối với bà Lê Thiện Quế A, Hội đồng xét xử thấy rằng: Sau thời gian chung sống giữa vợ chồng ông bà đã phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng sống không hòa hợp, luôn bất đồng về quan điểm sống dẫn đến thường xuyên cãi vã. Mặc dù vợ chồng đã nhiều lần cố gắng để hàn gắn tình cảm nhưng vẫn không đạt được kết quả .Vợ chồng hiện đã sống ly thân, bà Quế A đã bỏ đi nơi khác, thỉnh thoảng có về nhà nhưng tình cảm vợ chồng vẫn ngày càng rạn nứt trầm trọng, vợ chồng không còn yêu thương, quý trọng, quan tâm chăm sóc

lẫn nhau, phần ai nấy sống. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án triệu tập bà A yêu cầu bà A có mặt tại Tòa án để giải quyết việc ông C khởi kiện ly hôn, nhưng bà A vẫn vắng mặt, chứng tỏ bà A không tha thiết níu kéo cuộc hôn nhân này, không có thiện chí đoàn tụ. Qua xác minh tại địa phương thì trong quá trình chung sống, vợ chồng ông C và bà A có xảy ra mâu thuẫn, thỉnh thoảng có gây gỗ ồn ào nên cần áp dụng điều 56 Luật hôn nhân và gia đình để xử cho ông Phạm Văn C được ly hôn với bà Lê Thiện Quế A.

2. Về quan hệ nuôi con chung: Ông Phạm Văn C và bà Lê Thiện Quế A không có con chung nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

3. *Về quan hệ tài sản:* Ông Phạm Văn C và bà Lê Thiện Quế A không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết đồng thời xác định vợ chồng không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án là tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung, đại diện Viện kiểm sát đề nghị: Chấp nhận yêu cầu của ông Phạm Văn C về việc ly hôn với bà Lê Thiện Quế A, về con chung, tài sản chung và nợ chung không có nên không đề cập giải quyết.

* Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng ông Phạm Văn C phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào áp dụng các điều 56 Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ khoản 2 điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về hôn nhân*:

Xử cho ông Phạm Văn C được ly hôn với bà Lê Thiện Quế A.

2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Ông Phạm Văn C xác định không có nên Tòa án không giải quyết.

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) ông Phạm Văn C phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông C đã nộp tại biên lai thu số 009674 ngày 17 tháng 8 năm 2017 của Chi cục thi hành án

dân sự quận C, thành phố Đà Nẵng. Ông C đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được trích sao bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Đương sự;*
- *VKSND Q. C;*
- *UBND Phường T ;*
- *CCTHADSQ. C;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Thị Thu Hà